| | |
|---|---|
| UBND TỈNH KON TUM<br>**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 446 /QĐ-STNMT | *Kon Tum, ngày 25 tháng 5 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021-2026**

## GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM

*Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum, về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 13-HD/BTCTU ngày 14/12/2012 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và Hướng dẫn số 01-HD/BTCTU ngày 03/4/2017 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nêu tại Hướng dẫn số 12-HD/BTCTU ngày 26/11/2012 và Hướng dẫn số 13-HD/BTCTU ngày 14/12/2012 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- Danh sách đưa ra quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.
- Danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026.
- Danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026.

*(Chi tiết có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như Điều 2 (t/h);<br>- Sở Nội vụ (đ/b);<br>- Lưu: VT, VP. | **GIÁM ĐỐC**<br>CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM<br>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br>TỈNH KON TUM<br>**Nguyễn Văn Lộc** |

# DANH SÁCH
## ĐƯA RA QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT ngày /5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chuyên môn | Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay | Chức danh đưa ra khỏi quy hoạch |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Văn Tấn | 1966 | Cử nhân Lâm nghiệp | Trưởng phòng Tài nguyên Khoáng sản-Nước | Chánh Văn phòng Sở |
| 2 | Lê Duy Vượng | 1978 | Cử nhân Địa lý TN&MT | Phó Giám đốc Trung tâm Quan trắc TN&MT | Chánh Văn phòng Sở |
| 3 | Trần Công Hậu | 1969 | ThS QTKD | Chánh Thanh tra | Chánh Văn phòng Sở |
| 4 | Đào Thanh Vinh | 1972 | Cử nhân Sinh học | Chuyên viên | Phó Chánh Văn phòng |
| 5 | Nguyễn Minh Tuấn | 1976 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Thanh tra | Phó Chánh Văn phòng |
| 6 | Nguyễn Hải Vân | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | Phó Chánh Văn phòng |
| 7 | Trần Thùy Bông | 1976 | Đại học Quản trị văn phòng | Chuyên viên Văn phòng Sở | Phó Chánh Văn phòng |
| 8 | Cao Minh Phương | 1964 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Văn phòng Sở | Phó Chánh Văn phòng |
| 9 | Rơ Châm Định | 1983 | Cử nhân Kinh tế phát triển | Phó Chủ tịch UBND huyện Đăk Glei | Chánh Thanh tra |
| 10 | Trần Ngọc Nghĩa | 1976 | Cử nhân Trắc Địa | Phó Chánh Thanh tra Sở | Chánh Thanh tra |
| 11 | Nguyễn Cường | 1971 | Cử nhân Địa chất | Phó Trưởng phòng Tài nguyên Khoáng sản -Nước | Phó Chánh Thanh tra |
| 12 | Lê Duy Vượng | 1978 | Cử nhân Địa lý TN&MT | Phó Giám đốc Trung tâm Quan trắc TN&MT | Phó Chánh Thanh tra |
| 13 | Trần Công Hậu | 1969 | ThS QTKD | Chánh Thanh tra | Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |
| 14 | Phan Thanh Đào | 1968 | Đại học Luật | Chuyên viên Thanh tra | Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |
| 15 | Đinh Quốc Phương | 1966 | Cử nhân Kinh tế | Trưởng phòng hành chính - Tổng hợp, Trung tâm PTQĐ | Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |
| 16 | Nguyễn Thị Kim Hoanh | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Văn phòng | Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Nguyễn Văn Hùng | 1972 | Luật | TP. TNMT thành phố Kon Tum | Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 18 | Đinh Xuân Tâm | 1981 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc CN VPĐK TP. Kon Tum | Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 19 | Huỳnh Văn Cảnh | 1980 | ThS QLĐĐ | Đang bị giam giữ | Giám đốc CN Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 20 | Nguyễn Quang Vinh | 1972 | Cử nhân Kinh tế | Chuyên viên Văn phòng ĐKĐĐ | Giám đốc CN Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 21 | Đinh Bá Thi | 1972 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng TNMT Đăk Glei | Giám đốc CN Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 22 | Nguyễn Quang Vinh | 1972 | Cử nhân Kinh tế | Chuyên viên Văn phòng ĐKĐĐ | Phó Giám đốc CN Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 23 | Nguyễn Đình Thịnh | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Đã chuyển công tác | Phó Giám đốc CN Văn phòng Đăng ký đất đai |

**DANH SÁCH**
**BỔ SUNG QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**
**GIAI ĐOẠN 2021-2026**
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT ngày / 5 /2021*
*của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chuyên môn | Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay | Chức danh bổ sung quy hoạch |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Võ Thị Thu Huyền | 1982 | Cử nhân Hóa | Chuyên viên phòng Tài nguyên Khoáng sản- Nước | Phó Chánh Văn phòng Sở |
| 2 | Phạm Ngọc Chương | 1978 | KS Thủy lợi, Thạc Sỹ XD | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |
| 3 | Phạm Ngọc Chương | 1978 | KS Thủy lợi, Thạc Sỹ XD | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |
| 4 | Lê Thị Kim Châu | 1990 | Kế toán | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |
| 5 | Phạm Thị Thu Thảo | 1992 | Cử nhân Kế toán | Chuyên viên Văn phòng Đăng ký đất đai | Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |
| 6 | Lê Văn Dũng | 1975 | Kỹ sư Xây dựng DD&CN | Phó phòng Tài nguyên khoáng sản - Nước | Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản - Nước |
| 7 | Nguyễn Cường | 1971 | Kỹ sư Địa chất | Phó phòng Tài nguyên khoáng sản - Nước | Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản - Nước |
| 8 | Phạm Ngọc Chương | 1978 | KS Thủy lợi, Thạc Sỹ XD | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản - Nước |
| 9 | Võ Thị Thu Huyền | 1983 | Cử nhân Hóa học | Chuyên viên Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | Phó Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản - Nước |
| 10 | Dương Minh Hường | 1986 | Cử nhân Địa chất | Chuyên viên Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | Phó Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản - Nước |
| 11 | Đường Thị Hồng Luân | 1981 | Cử nhân Môi trường | Phó Trưởng phòng Môi trường | Trưởng phòng Môi trường |
| 12 | Đặng Thị Phương Thủy | 1982 | Cử nhân Môi trường | Phó Trưởng phòng Môi trường | Trưởng phòng Môi trường |
| 13 | Đỗ Thị Kiều Hương | 1984 | Cử nhân Môi trường | Chuyên viên Phòng Môi trường | Phó Trưởng phòng Môi trường |
| 14 | Phạm Quang Hiệp | 1991 | Cử nhân Môi trường | Chuyên viên Phòng Môi trường | Phó Trưởng phòng Môi trường |
| 15 | Phạm Thị Phương | 1986 | ThS QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường | Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | và Giá đất | Giá đất |
| 16 | Tô Văn Huy | 1972 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất |
| 17 | Nguyễn Hải Vân | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất |
| 18 | Phạm Hữu Đức | 1988 | Kỹ sư trắc địa | Chuyên viên phòng QHKHSDĐ | Phó Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất |
| 19 | Vũ Hải Triều | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | Phó Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất |
| 20 | Nguyễn Thị Kim Hoanh | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Văn phòng | Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất |
| 21 | Nguyễn Minh Tuấn | 1976 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Thanh tra | Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất |
| 22 | Nguyễn Hải Vân | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất |
| 23 | Tô Văn Huy | 30/8/1972 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất |
| 24 | Vũ Hải Triều | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất |
| 25 | Phạm Hữu Đức | 1988 | Cử nhân Trắc địa bản đồ | Chuyên viên Phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất |
| 26 | Diệp Xuân Vinh | 1967 | Cử nhân Kinh tế | Chuyên viên Phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất |
| 27 | Ngô Thị Thu Sang | 1988 | Kỹ sư Công nghệ sinh học | Phó trưởng phòng Phân tích - Thử nghiệm | Phó Giám đốc Trung tâm Quan trắc TN&MT |
| 28 | Đào Văn Chung | 1976 | Đại học Luật | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất |
| 29 | Lê Hồng Quang | 1989 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất |
| 30 | Hà Kim Toàn | 1981 | Đại học kỹ thuật công nghiệp | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất |
| 31 | Đào Văn Chung | 1976 | Đại học Luật | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trung tâm PTQĐ |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 32 | Lê Hồng Quang | 1989 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trung tâm PTQĐ |
| 33 | Hà Kim Toàn | 1981 | Đại học kỹ thuật công nghiệp | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trung tâm PTQĐ |
| 34 | Đào Văn Chung | 1976 | Đại học Luật | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Trưởng phòng Quản lý khai thác quỹ đất và BTGPMB, Trung tâm PTQĐ |
| 35 | Lê Hồng Quang | 1989 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Trưởng phòng Quản lý khai thác quỹ đất và BTGPMB, Trung tâm PTQĐ |
| 36 | Hà Kim Toàn | 1981 | Đại học kỹ thuật công nghiệp | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | Phó Trưởng phòng Quản lý khai thác quỹ đất và BTGPMB, Trung tâm PTQĐ |
| 37 | Nguyễn Trung Hiếu | 1982 | Kỹ sư CNTT | Chuyên viên Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT | Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT |
| 38 | Nguyễn Thị Kim Hoanh | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Văn phòng | Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT |
| 39 | Phạm Đức Thọ | 1981 | Cử nhân Hành chính | Phó Chánh Văn phòng | Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT |
| 40 | Thái Hữu Toàn | 1965 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên, Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT | Phó Trưởng phòng nghiệp vụ, Trung tâm CNTT TN&MT |
| 41 | Nguyễn Trung Hiếu | 1982 | Kỹ sư CNTT | Chuyên viên, Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT | Phó Trưởng phòng nghiệp vụ, Trung tâm CNTT TN&MT |
| 42 | Nguyễn Văn Luận | 1972 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Tô | Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 43 | Bùi Thị Hiền | 1988 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Glei | Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 44 | Pờ Ly Châu | 1985 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Kon Rẫy | Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 45 | Huỳnh Thanh Toàn | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ngọc Hồi | Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 46 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 1983 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai | Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 47 | Lê Ngọc Quang | 1988 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐK thành phố Kon Tum | Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 48 | Lê Xuân Hoàn | 1967 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Văn phòng Đăng ký đất đai | Phó Trưởng phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 49 | Nguyễn Thị Phượng | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐK huyện Đăk Hà | Phó Trưởng phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 50 | Nguyễn Minh Phương | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc CN VPĐK TP. Kon Tum | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 51 | Lê Ngọc Quang | 1988 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc CN VPĐK TP. Kon Tum | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 52 | Nguyễn Thị Phượng | 1986 | Luật | Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Hà | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 53 | Dương Đức Cường | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Tô | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 54 | Nguyễn Y Khoa | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc CN VPĐK huyện Ngọc Hồi | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 55 | Lý Hoài Duy | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐK huyện Sa Thầy | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |
| 56 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 1983 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai |

# DANH SÁCH
# QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
# GIAI ĐOẠN 2021-2026

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT ngày / 5 /2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chuyên môn | Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay | Phê duyệt chức danh quy hoạch |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Đức Thọ | 1981 | Cử nhânHành chính | Phó Chánh Văn phòng | **Chánh Văn phòng Sở** |
| 2 | Phạm Thị Phương | 1986 | ThS QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | |
| 3 | Vũ Hải Triều | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | **Phó Chánh Văn phòng Sở** |
| 4 | Phạm Hữu Đức | 1988 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Phòng Quy hoạch kế hoạch sủ dụng đất | |
| 5 | Võ Thị Thu Huyền | 1983 | Cử nhân Hóa học | Chuyên viên Phòng Tài nguyên khoáng sản - Nước | |
| 6 | Phạm Đức Thọ | 1981 | Cử nhân Hành chính | Phó Chánh Văn phòng | **Chánh Thanh tra** |
| 7 | Đường Thị Hồng Luân | 1981 | Cử nhân Môi trường | Phó Trưởng phòng Môi trường | |
| 8 | Nguyễn Cường | 1971 | Cử nhân Địa chất | Phó Trưởng phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | |
| 9 | Võ Thị Thu Huyền | 1983 | Cử nhân Hóa | Chuyên viên Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | **Phó Chánh Thanh tra** |
| 10 | Lê Thị Tố Nga | 1985 | Kỹ sư CNTT | Chuyên viên | |
| 11 | Nguyễn Cường | 1971 | Cử nhân Địa chất | Phó Trưởng phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | **Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính** |
| 12 | Phạm Thị Phương | 1986 | ThS QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | |
| 13 | Phạm Ngọc Chương | 1978 | KS Thủy lợi, Thạc Sỹ XD | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | |
| 14 | Phạm Ngọc Chương | 1978 | KS Thủy lợi, Thạc Sỹ XD | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | **Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính** |
| 15 | Lê Thị Kim Châu | 1990 | Kế toán | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Phạm Thị Thu Thảo | 1992 | Cử nhân Kế toán | Chuyên viên Văn phòng Đăng ký đất đai | |
| 17 | Lê Văn Dũng | 1975 | Kỹ sư Xây dựng DD&CN | Phó phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | **Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản Nước** |
| 18 | Nguyễn Cường | 1971 | Kỹ sư Địa chất | Phó phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | |
| 19 | Phạm Ngọc Chương | 1978 | KS Thủy lợi, Thạc Sỹ XD | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | |
| 20 | Võ Thị Thu Huyền | 1983 | Cử nhân Hóa học | Chuyên viên Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | **Phó Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản Nước** |
| 21 | Dương Minh Hường | 1986 | Cử nhân Địa chất | Chuyên viên Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước | |
| 22 | Đường Thị Hồng Luân | 1981 | Cử nhân Môi trường | Phó Trưởng phòng Môi trường | **Trưởng phòng Môi trường** |
| 23 | Đặng Thị Phương Thủy | 1982 | Cử nhân Môi trường | Phó Trưởng phòng Môi trường | |
| 24 | Đỗ Thị Kiều Hương | 1984 | Cử nhân Môi trường | Chuyên viên Phòng Môi trường | **Phó Trưởng phòng Môi trường** |
| 25 | Phạm Quang Hiệp | 1991 | Cử nhân Môi trường | Chuyên viên Phòng Môi trường | |
| 26 | Phạm Thị Phương | 1986 | ThS QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | **Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất** |
| 27 | Tô Văn Huy | 1972 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | |
| 28 | Nguyễn Hải Vân | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | |
| 29 | Phạm Hữu Đức | 1988 | Kỹ sư trắc địa | Chuyên viên phòng QHKHSDĐ | **Phó Trưởng phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất** |
| 30 | Vũ Hải Triều | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | |
| 31 | Nguyễn Thị Kim Hoanh | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Văn phòng | **Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất** |
| 32 | Nguyễn Minh Tuấn | 1976 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Thanh tra | |
| 33 | Nguyễn Hải Vân | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Tô Văn Huy | 30/8/1972 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | |
| 35 | Vũ Hải Triều | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | **Phó Trưởng phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất** |
| 36 | Phạm Hữu Đức | 1988 | Cử nhân Trắc địa bản đồ | Chuyên viên Phòng Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất | |
| 37 | Diệp Xuân Vinh | 1967 | Cử nhân Kinh tế | Chuyên viên Phòng Bản đồ, Bồi thường và Giá đất | |
| 38 | Đường Thị Hồng Luân | 1981 | Cử nhân Môi trường | Phó Trưởng phòng Môi trường | **Phó Giám đốc Trung tâm Quan trắc TN&MT** |
| 39 | Đinh Quốc Phương | 1966 | Đại học Kinh tế | Trưởng phòng hành chính - Tổng hợp, Trung tâm PTQĐ | |
| 40 | Nguyễn Tiến Hòa | 1968 | Kế toán | Trưởng phòng hành chính - Tổng hợp, Trung tâm QT TN&MT | |
| 41 | Ngô Thị Thu Sang | 1988 | Kỹ sư Công nghệ sinh học | Phó trưởng phòng Phân tích - Thử nghiệm | |
| 42 | Đinh Quốc Phương | 1966 | Cử nhân Kinh tế | Trưởng phòng hành chính - Tổng hợp, Trung tâm PTQĐ | **Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất** |
| 43 | Đào Văn Chung | 1976 | Đại học Luật | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | |
| 44 | Lê Hồng Quang | 1989 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | |
| 45 | Hà Kim Toàn | 1981 | Đại học kỹ thuật công nghiệp | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | |
| 46 | Lê Hồng Quang | 1989 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | **Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm PTQĐ** |
| 47 | Hà Kim Toàn | 1981 | Đại học kỹ thuật công nghiệp | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | |
| 48 | Đào Văn Chung | 1976 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | |
| 49 | Lê Hồng Quang | 1989 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | **Phó Trưởng phòng Quản lý khai thác quỹ đất và BTGPMB, Trung tâm PTQĐ** |
| 50 | Hà Kim Toàn | 1981 | Đại học kỹ thuật công nghiệp | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | |
| 51 | Đào Văn Chung | 1976 | Đại học Luật | Chuyên viên - Trung tâm PTQĐ | |
| 52 | Lê Thị Tố Nga | 1985 | Kỹ sư CNTT | Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính | **Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin** |
| 53 | Nguyễn Trung | 1982 | Kỹ sư CNTT | Chuyên viên Trung tâm | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Hiếu | | | Công nghệ thông tin TN&MT | **TN&MT** |
| 54 | Nguyễn Thị Kim Hoanh | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Văn phòng | |
| 55 | Phạm Đức Thọ | 1981 | Cử nhân Hành chính | Phó Chánh Văn phòng | |
| 56 | Thái Hữu Toàn | 1965 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên, Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT | **Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ, Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT** |
| 57 | Nguyễn Trung Hiếu | 1982 | Kỹ sư CNTT | Chuyên viên, Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT | |
| 58 | Nguyễn Minh Tuấn | 1976 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Thanh tra | **Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai** |
| 59 | Nguyễn Thị Kim Hoanh | 1982 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Chánh Văn phòng | |
| 60 | Đoàn Thế Tiền | 1979 | Kỹ thuật hạ tầng và môi trường | Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Hà | |
| 61 | Trần Thị Minh Hoa | 1972 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc Chi nhánh VPĐK huyện Sa Thầy | |
| 62 | Nguyễn Văn Luận | 1972 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Tô | |
| 63 | Bùi Thị Hiền | 1988 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Glei | |
| 64 | Pờ Ly Châu | 1985 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Kon Rẫy | |
| 65 | Huỳnh Thanh Toàn | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ngọc Hồi | |
| 66 | Nguyễn Minh Phương | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc CN VPĐK TP. Kon Tum | **Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai** |
| 67 | Lê Ngọc Quang | 1988 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc CN VPĐK TP. Kon Tum | |
| 68 | Nguyễn Thị Phượng | 1986 | Luật | Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Hà | |
| 69 | Dương Đức Cường | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc CN VPĐK huyện Đăk Tô | |
| 70 | Nguyễn Y Khoa | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc CN VPĐK huyện Ngọc Hồi | |
| 71 | Lý Hoài Duy | 1987 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐK huyện Sa Thầy | |
| 72 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 1983 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 73 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 1983 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai | **Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Văn phòng Đăng ký đất đai** |
| 74 | Lê Ngọc Quang | 1988 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐK thành phố Kon Tum | |
| 75 | Lê Xuân Hoàn | 1967 | Kỹ sư QLĐĐ | Chuyên viên Văn phòng Đăng ký đất đai | **Phó phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký đất đai** |
| 76 | Nguyễn Thị Phượng | 1986 | Kỹ sư QLĐĐ | Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐK huyện Đăk Hà | |